

Bản án số: 01/2020/KDTM-ST

Ngày: 09 – 9 - 2020

V/v: Tranh chấp hợp đồng tín dụng.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUAN SƠN, TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa : Ông Đặng Minh Tuấn.

Các Hội thẩm nhân dân : Ông Lương Văn Nhạn

Ông Nguyễn Trọng Quân.

- Thư ký phiên tòa : Ông Hà Văn Bình – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Quan Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quan Sơn, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Ông Hà Văn Nhiên - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 9 năm 2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Quan Sơn, tỉnh Thanh Hóa xét xử công khai sơ thẩm vụ án Kinh doanh thương mại thụ lý số: 01/2020/TLST-KDTM ngày 05 tháng 5 năm 2020, về việc “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2020/QĐXXST-KDTM ngày 31 tháng 7 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 01/2020/QĐST-KDTM ngày 18 tháng 8 năm 2020; giữa các đương sự:

**** Nguyên đơn:*** Ngân hàng NN&PTNT Việt Nam.

Địa chỉ: Số 18, Trần Hữu Dực, huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội.

- Người đại diện theo pháp luật: Ông Tiết Văn Th – Tổng Giám đốc.

- Người đại diện theo ủy quyền: Ông Hồng Thanh Ch – Giám đốc Ngân hàng NN&PTNT Việt Nam – Chi nhánh huyện Quan Sơn, tỉnh Thanh Hóa. (*Quyết định ủy quyền số 2965/QĐ-NHNo-PC, ngày 27/12/2019 của Tổng Giám đốc Ngân hàng NN&PTNT Việt Nam*)

- Người được ủy quyền lại: Ông Đình Văn T – Phó Giám đốc Ngân hàng NN&PTNT Việt Nam – Chi nhánh huyện Quan Sơn, tỉnh Thanh Hóa; (có mặt).

Địa chỉ: Khu 4, thị trấn Sơn Lư, huyện Quan Sơn, tỉnh Thanh Hóa. (*Quyết định ủy quyền số 38/NHNo.QS ngày 02/3/2020 của Giám đốc Ngân hàng NN&PTNT Việt Nam – Chi nhánh huyện Quan Sơn, Thanh Hóa*).

**** Bị đơn:*** - Anh Nguyễn Công T - Sinh năm 1986.

- Chị Đàm Thị H - Sinh năm 1985.

Cùng địa chỉ: Khu 6, thị trấn S, huyện Q, tỉnh Th (Anh T, chị H vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện ngày 04/5/2020, bản tự khai và tại phiên tòa nguyên đơn trình bày:

Ngân hàng Nông nghiệp và PTNT Việt Nam – Chi nhánh huyện Quan Sơn, Thanh Hóa đã ký Hợp đồng tín dụng số: 3526-LAV-201800600, ngày 29/6/2018 với anh Nguyễn Công T (chị Đàm Thị H ủy quyền cho anh T) vay số tiền 250.000.000đ (*Hai trăm năm mươi triệu đồng*), thời hạn cho vay là 01 (một) năm kể từ ngày tiếp theo liền kề của ngày đầu tiên bên A giải ngân cho bên B đến ngày 29/6/2019, lãi xuất 09%/năm trên nợ gốc; mục đích vay của gia đình là kinh doanh lâm sản phụ (nan thanh) theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 26F002648 ngày 28/6/2016; phương thức cho vay: Từng lần;

Biện pháp bảo đảm tiền vay: Thế chấp tài sản là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại khu 5, thị trấn Q, huyện Q, tỉnh Th (nay là khu 4, thị trấn S); thửa đất số 174, tờ bản đồ số 02, diện tích 180m² (trong đó đất ở 180m², đất trồng cây lâu năm 0m²), theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BL 275016 do UBND huyện Q cấp ngày 13/9/2012 cho hộ bà Đàm Thị H, theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 3526/051/12/2018/HĐTC ngày 28/6/2018, có đăng ký giao dịch bảo đảm theo quy định.

Sau khi vay, anh Nguyễn Công T và chị Đàm Thị H đã không thực hiện đúng như cam kết, vi phạm mục đích sử dụng vốn vay, vi phạm nghĩa vụ thanh toán và các điều khoản của hợp đồng, Ngân hàng đã chuyển thành nợ quá hạn từ ngày 01/7/2019 đến nay, nên Ngân hàng khởi kiện đề nghị Tòa án buộc anh Nguyễn Công T và chị Đàm Thị H phải thanh toán số tiền nợ gốc 250.000.000đ, tiền lãi 29.958.904đ (lãi trong hạn 1.849.315đ, lãi quá hạn 28.109.589đ) tính đến ngày 30/4/2020. Tổng cộng: 279.958.904đ (*Hai trăm bảy mươi triệu, chín trăm năm mươi tám nghìn chín trăm lẻ bốn đồng*).

Tại phiên tòa hôm nay, đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng vẫn giữ nguyên quan điểm của mình là đề nghị Tòa án buộc anh Nguyễn Công T và chị Đàm Thị H phải trả số tiền nợ gốc và lãi tính đến ngày xét xử (ngày 09/9/2020) là 292.164.383đ, trong đó nợ gốc là: 250.000.000đ, nợ lãi là: 42.164.383đ (lãi trong hạn 1.849.315đ và lãi quá hạn 40.315.068đ). Trường hợp anh T và chị H không trả được nợ thì Ngân hàng đề nghị kê biên toàn bộ tài sản bảo đảm cho khoản vay của anh T và chị H để bảo đảm thi hành án, thu hồi nợ cho Ngân hàng NN&PTNT Việt Nam.

* Bị đơn anh Nguyễn Công T và chị Đàm Thị H trong quá trình giải quyết vụ án không đến Tòa án làm việc nên không có ý kiến trình bày.

* Sau khi không trả được khoản tiền vay cho Ngân hàng theo thỏa thuận, anh Nguyễn Công T và chị Đàm Thị H đã bỏ đi khỏi địa phương không rõ địa chỉ nên Ngân hàng có đơn đề nghị Tòa án đã ra Quyết định thông báo tìm kiếm người vắng mặt tại nơi cư trú theo quy định, nhưng anh T và chị H vẫn không có mặt để giải quyết vụ án.

* Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quan Sơn, tỉnh Thanh Hóa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và việc chấp hành pháp luật của đương sự: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng pháp luật. Nguyên đơn chấp hành đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật. Bị đơn không chấp hành các quyền và nghĩa vụ theo quy định.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và buộc anh Nguyễn Công T, chị Đàm Thị H phải trả cho Ngân hàng số tiền cả gốc và lãi tính đến ngày 09/9/2020 là: 292.164.383đ, trong đó nợ gốc là: 250.000.000đ, nợ lãi là: 42.164.383đ (lãi trong hạn là 1.849.315đ và lãi quá hạn là 40.315.068đ). Trường hợp anh T, chị H không trả nợ hoặc trả nợ không đầy đủ thì Ngân hàng có quyền yêu cầu kê biên xử lý tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất và các tài sản gắn liền với đất để thu hồi nợ.

Về án phí: Anh T, chị H phải chịu án phí KDTM sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào ý kiến của đương sự tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tranh chấp giữa Ngân hàng NN&PTNT Việt Nam với anh Nguyễn Công T và chị Đàm Thị H là “Tranh chấp Hợp đồng tín dụng”; anh Nguyễn Công T, chị Đàm Thị H từ thời điểm ký kết hợp đồng cũng như quá trình sản xuất kinh doanh có hộ khẩu thường trú và sinh sống tại khu 6, thị trấn S, huyện Q nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Quan Sơn được quy định tại khoản 1 Điều 30; điểm b khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự (BLTTDS).

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã thông báo đăng tin tìm kiếm người vắng mặt nơi cư trú, đã niêm yết, tổng đạt hợp lệ các văn bản thủ tục tố tụng cho anh T và chị H nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Vì vậy, ngày 31/7/2020 Tòa án đã ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử để đảm bảo quyền lợi cho Ngân hàng NN&PTNT Việt Nam.

Phiên tòa ngày 18/8/2020, anh T và chị H vắng mặt không có lý do, nên Hội đồng xét xử (HĐXX) quyết định hoãn phiên tòa theo quy định tại khoản 1 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa hôm nay anh T và chị H vẫn vắng mặt không có lý do. Vì vậy, HĐXX quyết định xét xử vắng mặt anh T, chị H theo quy định tại khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung tranh chấp: Hợp đồng tín dụng số 3526-LAV-201800600 ngày 29/6/2018, được ký kết giữa Ngân hàng NN&PTNT Việt Nam – Chi nhánh huyện Quan Sơn, Thanh Hóa với anh Nguyễn Công T có nội dung “Ngân hàng cho anh T vay số tiền 250.000.000đ, thời hạn vay 01 (một) năm kể từ ngày tiếp theo liền

kể của ngày đầu tiên bên A giải ngân cho bên B đến ngày 29/6/2019, lãi xuất 09%/năm trên nợ gốc; lãi suất cho vay bằng trần lãi suất huy động kỳ hạn 12 tháng bằng VND theo quy định của Agribank có tính dự thanh toán, dự trữ bắt buộc trong từng thời kỳ cộng tỷ lệ nhất định 2,1% năm; thời điểm điều chỉnh lãi suất mỗi quý một lần vào ngày mùng 05 tháng đầu mỗi quý theo sự biến động (nếu có) của trần lãi suất huy động kỳ hạn 12 tháng bằng đồng Việt Nam theo quy định của Agribank; thời hạn trả lãi vào ngày 30 hàng quý; lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn tại thời điểm quá hạn, phí trả nợ trước hạn 1,2%/năm; mục đích vay là kinh doanh lâm sản phụ (nan thanh) theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 26F002648 ngày 28/6/2016. Hợp đồng được lập thành văn bản trên cơ sở tự nguyện, xuất phát từ nhu cầu thực tế của các bên, tuân thủ các quy định của pháp luật về nội dung và hình thức, thuộc phạm vi mà pháp luật dân sự quy định tại Điều 463 của Bộ luật dân sự, như vậy là giao dịch hợp pháp. Cho nên, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ, các bên phải có trách nhiệm thực hiện các thỏa thuận đã cam kết trong Hợp đồng.

Ngày 29/6/2018, Ngân hàng giải ngân cho bên vay số tiền 250.000.000đ (*Hai trăm năm mươi triệu đồng*). Sau khi nhận đủ tiền, anh T, chị H không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ trả lãi và gốc, vi phạm phân kỳ trả nợ, vi phạm Hợp đồng tín dụng đã ký kết. Ngân hàng đã nhiều lần thông báo yêu cầu thanh toán nợ nhưng anh T, chị H không hợp tác mà còn bỏ trốn khỏi nơi cư trú. Xét thấy anh T, chị H đã vi phạm nghĩa vụ trả tiền gốc và lãi của bên vay theo thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng, nên cần buộc anh T, chị H phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng. Tính đến ngày 09/9/2020 số tiền anh T, chị H còn nợ Ngân hàng là 292.164.383đ, trong đó nợ gốc là: 250.000.000đ, nợ lãi là: 42.164.383đ (lãi trong hạn là 1.849.315đ và lãi quá hạn là 40.315.068đ). Căn cứ vào Điều 466; khoản 1 Điều 468 BLDS; Điều 91; Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng và Đối chiếu với bảng kê gốc, lãi mà Ngân hàng cung cấp có trong hồ sơ vụ án cũng như việc giải trình về cách tính lãi của đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn tại phiên tòa là có căn cứ chấp nhận. Kể từ ngày 09/9/2020 bên vay còn phải chịu lãi suất quá hạn theo hợp đồng tín dụng mà hai bên đã ký kết.

[3] Về Hợp đồng thế chấp bảo đảm nghĩa vụ trả nợ: Ngày 28/6/2018, anh Nguyễn Công T, chị Đàm Thị H tự nguyện ký kết với Ngân hàng NN&PTNT Việt Nam – Chi nhánh huyện Quan Sơn, Thanh Hóa Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng (QSD) đất và tài sản gắn liền với đất số 3526/051/12/2018/HĐTC (180m² đất ở) tại khu 5 thị trấn Q, tỉnh Thanh Hóa (nay là khu 4, thị trấn S), được UBND huyện Q cấp Giấy chứng nhận QSD đất số BL 275016 do UBND huyện Q cấp ngày 13/9/2012 mang tên hộ bà Đàm Thị H. Giá trị tài sản thế chấp là 216.000.000đ (*Hai trăm mười sáu triệu đồng*). Về nội dung và hình thức không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội, phù hợp với Điều 317, 318, 319 BLDS; Hợp đồng thế chấp đã thực hiện đầy đủ thủ tục chứng thực tại UBND thị trấn Q (nay là thị trấn S) ngày 29/6/2018 và đăng ký giao dịch bảo đảm theo đúng quy định của pháp luật, nên Hợp

đồng thể chấp này là hợp pháp. Do bên thế chấp tài sản vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo quy định tại Điều 299 BLDS nên bên nhận thế chấp có quyền xử lý các tài sản thế chấp theo quy định của pháp luật.

Tại thời điểm xem xét thẩm định tại chỗ ngày 15/7/2020 tài sản thế chấp có sự biến động so với thời điểm thế chấp; Cụ thể: Thời điểm thế chấp: Thửa đất số 174, tờ bản đồ số 02, địa chỉ khu đất tại khu 5, thị trấn Q (nay là khu 4, thị trấn S) có diện tích 180m² (Một trăm tám mươi mét vuông), trong đó đất trồng cây lâu năm: 0m²; đất sử dụng riêng: 180m² (Chiều rộng: 4 mét, chiều dài: 45 mét). Tại thời điểm thẩm định tại chỗ có sự sai lệch chiều dài thửa đất và diện tích: Chiều rộng: 4 mét, chiều dài 35 mét (trừ tim đường vào 7 mét), tổng 140m². Sau khi thẩm định tại chỗ, Tòa án đã có văn bản yêu cầu Phòng Tài nguyên và môi trường (TN&MT) huyện Q trả lời lý do có sự sai lệch diện tích như trên. Ngày 24/7/2020, Phòng TN&MT huyện Q đã tiến hành kiểm tra thực tế khu đất ngày 24/7/2020; Cụ thể: Chiều rộng là 4 mét, chiều dài là 40 mét (trừ tim đường vào 0,7 mét), tổng diện tích: 160m² và có văn bản trả lời lý do sai lệch là do quá trình đo vẽ lập hồ sơ cấp giấy chứng nhận QSD đất trong hồ sơ cấp đất ban đầu trừ tim đường ngõ vào là 0,7 (không phải bảy) mét nhưng trong quá trình in giấy chứng nhận QSD đất lại ghi là trừ tim đường ngõ là 7 (bảy) mét; Ngoài ra do quá trình xây dựng bờ kè chống sạt lở Sông Lò bị ảnh hưởng đến chiều dài thửa đất. Khi thị trấn Q (cũ) trình hồ sơ cấp giấy chứng nhận QSD đất lên huyện, Phòng không tiến hành kiểm tra mà tham mưu cho Thường trực đề cấp giấy chứng nhận QSD đất cho hộ bà Đàm Thị H. Do đó, xác định diện tích thực tế của khu đất là 160 m²; Đối với tài sản gắn liền trên đất là ngôi nhà cấp bốn được xây dựng từ năm 1993, đã bị mối mọt, sập sệ mái ngói, không có sự biến động gì so với thời điểm thế chấp. Trong trường hợp anh T, chị H không trả nợ cho Ngân hàng theo thỏa thuận trong Hợp đồng thế chấp, thì tài sản thế chấp trên sẽ được xử lý để thu hồi nợ cho Ngân hàng.

[4] Về chi phí tố tụng: Ngân hàng yêu cầu Tòa án thông báo tìm kiếm anh Nguyễn Công T, chị Đàm Thị H trên các phương tiện thông tin đại chúng và tiến hành xem xét, thẩm định tài sản theo quy định, nên các khoản chi phí do Ngân hàng phải chịu là phù hợp với quy định của pháp luật.

[5] Về án phí: Anh Nguyễn Công T, chị Đàm Thị H phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Số tiền tạm ứng án phí Ngân hàng NN&PTNT Việt Nam đã nộp được hoàn trả lại theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 30; điểm b khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 3 Điều 144; khoản 1 Điều 147; khoản 1 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 271; Điều 273 BLTTDS. Các Điều 292; 299; 351; 463; 466; 688 BLDS. Điều 91; 95 Luật các tổ chức tín dụng. Điểm b khoản 1 Điều 24; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số

326/2016/UBTVQH 14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của UBTVQH quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng NN&PTNT Việt Nam.

Buộc anh Nguyễn Công T và chị Đàm Thị H phải trả cho Ngân hàng NN&PTNT Việt Nam (tính đến ngày 09/9/2020) số tiền gốc là 250.000.000đ (*Hai trăm năm mươi triệu đồng*); tiền lãi trong hạn là 1.849.315đ (*một triệu tám trăm bốn mươi chín nghìn ba trăm mười lăm đồng*); tiền lãi quá hạn là 40.315.068đ (*bốn mươi triệu ba trăm mười lăm nghìn không trăm sáu mươi tám đồng*). Tổng cộng là 292.164.383đ (*hai trăm chín mươi hai triệu một trăm sáu mươi tư nghìn ba trăm tám mươi ba đồng*).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm anh T, chị H còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà anh T, chị H phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

2. Xử lý tài sản thế chấp: Anh Nguyễn Công T, chị Đàm Thị H không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ, thì Ngân hàng NN&PTNT Việt Nam có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ gồm: Quyền sử dụng đất tại thửa số 174, tờ bản đồ số 02, diện tích 180m² (diện tích thực tế là 160 m²) và tài sản gắn liền trên đất là ngôi nhà cấp bốn được xây dựng từ năm 1993, đã bị mối mọt, sập sệ mái ngói tại khu 4, thị trấn Sơn Lư, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa, đã được UBND huyện Q cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BL 275016 ngày 13/9/2012 mang tên bà Đàm Thị H.

Trường hợp phát mại tài sản bảo đảm không đủ để thanh toán nợ thì anh Nguyễn Công T và chị Đàm Thị H có trách nhiệm tiếp tục thực hiện việc trả các khoản tiền nợ gốc và lãi phát sinh cho đến khi hoàn tất xong các khoản nợ cho Ngân hàng NN&PTNT Việt Nam.

3. Về án phí: Buộc anh Nguyễn Công T và chị Đàm Thị H phải chịu án phí Kinh doanh thương mại sơ thẩm là 14.608.000đ (*mười bốn triệu sáu trăm lẻ tám nghìn đồng*).

Hoàn trả lại cho Ngân hàng NN&PTNT Việt Nam số tiền tạm ứng án phí 6.999.000đ (*Sáu triệu chín trăm chín mươi chín nghìn đồng*) đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quan Sơn, tỉnh Thanh Hóa theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0000472 ngày 05/5/2020.

4. Về quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm. Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ

thẩm. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Quan Sơn;
- VKSND tỉnh Thanh Hóa;
- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- Chi cục THADS huyện Quan Sơn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Đặng Minh Tuấn